TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **06/**2021/QĐST-KDTM	*Cầu Giấy, ngày 22 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Kỷ
Ông Nguyễn Văn Đông

Căn cứ vào Điều 430, Điều 280,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 91/TLST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa".

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T

Trụ sở: số 22, tổ 8 phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Văn C - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV SLC; Địa chỉ: BT16A3-12, Làng Việt Kiều Châu Âu, khu đô thị mới Mộ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng S – Chức vụ: Giám đốc.

Ủy quyền lại cho: Ông Lê Ngọc T và ông Nguyễn Anh Đ

(Theo giấy ủy quyền ngày 25/5/2020 và Quyết định phân công giải quyết công việc số 03/QĐ-SLC ngày 26/10/2020 của Công ty Luật SLC)

- Bị đơn: Công ty A

Trụ sở: Ngõ 219 K, phường Y, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức A1 - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thúy H1 (Theo giấy ủy quyền ngày 22/3/2021)

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định Công ty A còn nợ Công ty T theo Hợp đồng mua bán số 03A.10.1/2018/HĐMB/BA-HT ký ngày 10/1/2018; Hợp đồng mua bán số 0203A./2018/HĐMB/BA-HT ký ngày 02/3/2018; Hợp đồng kinh tế số 06.06/2018/HĐMB/BA-HT ký ngày 06/6/2018; Hợp đồng nguyên tắc số 15.12/HĐNT/2018/HT-BA ký ngày 15/12/2018 là: **595.948.500 đồng** *(Năm trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng)*

2. Hai bên cùng thống nhất thời hạn thanh toán khoản nợ như sau:

- Chậm nhất ngày 30/04/2021 Công ty A sẽ thanh toán cho Công ty T số tiền là **200.000.000 đồng** *(Hai trăm triệu đồng);*

- Chậm nhất ngày 02/09/2021 Công ty A sẽ thanh toán cho Công ty T số tiền còn lại là: **395.948.500 đồng** *(Ba trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng).*

3. Công ty T đồng ý miễn toàn bộ tiền lãi là: **301.893.154 đồng** *(Ba trăm linh một triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng)* phát sinh từ khoản nợ gốc với điều kiện Công ty A thực hiện đúng lộ trình thanh toán như cam kết nêu trên.

4. Trường hợp Công ty A vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào như cam kết nêu trên, Công ty T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành đối với toàn bộ khoản tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán và số tiền lãi đã miễn.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành án, thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất chậm thanh toán quy định tại Điều 468 BLDS 2015 tương ứng số tiền chậm thanh toán và thời gian chậm thanh toán.

6. Án phí KDTMST: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận Công ty A và Công ty T mỗi bên chịu 50% án phí tương ứng với số tiền là 6.959.485 đồng (Sáu triệu chín trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng). Công ty T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là là 34.000.000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng), nay được chuyển thành án phí và Công ty T được hoàn trả lại số tiền 27.040.515 đồng tạm ứng án phí đã nộp (Hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn năm trăm mười lăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003954 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ -
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hằng